

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/KDTM - ST

Ngày: 07/7/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính

Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: Số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng PT Việt Nam

Địa chỉ: 25A Cát Linh, Q. Đ, Tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T – Tổng GD

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Trinh L

Địa chỉ: 06 Lê Duẩn, TP. Q, Bình Định

(Văn bản ủy quyền số 2219/GUQ.NHPT – PC ngày 22/10/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư Trần Lâm H - Văn phòng luật sư P thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định(có mặt).

Địa chỉ: 84 Hoàng Quốc Việt, Tp. Q, Bình Định.

*** Bị đơn: Ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH**

Địa chỉ: 89 Nguyễn Thái Học, Tp. Q, Bình Định.

Hiện đang cư trú tại: 11 Nguyễn Bình Khiêm, Tp. Q, Bình Định

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2020 và trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Trinh Lương là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trình bày:*

Năm 2009 và năm 2010, ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH có ký 06 Hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng PT Việt Nam chi nhánh Bình Định với tổng số tiền 49.000.000.000đ, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 300/2009/HĐTD-XK – NHPT PC ngày 07/8/2009 vay 7 tỷ đồng, thời hạn vay 9,5 tháng, lãi suất thỏa thuận 10,8%. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 062/HĐTG/2009 ngày 06/8/2009 tại Chi nhánh NHPT Bình Định giá trị 1.050.000.000 đồng (theo hợp đồng cầm cố số 299/2009/HĐCC-NHPT PC ngày 07/08/2009)

- Hợp đồng tín dụng số 315/2009/HĐTD-XK ngày 24/8/2009 vay 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay 10 tháng, lãi suất cho vay trong hạn thỏa thuận do Ngân hàng PT quy định tại từng thời điểm. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 065/HĐTG/2009 ngày 21/8/2009 tại Chi nhánh NHPT Bình Định giá trị 1.500.000.000 đồng (theo hợp đồng cầm cố số 314/2009/HĐCC-NHPT PC ngày 24/08/2009).

- Hợp đồng tín dụng số 337/2009/HĐTD-XK ngày 18/9/2009 vay 5 tỷ đồng, thời hạn cho vay 10 tháng, lãi suất cho vay trong hạn thỏa thuận do Ngân hàng PT quy định tại từng thời điểm. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 070/HĐTG/2009 ngày 17/9/2009 tại Chi nhánh NHPT Bình Định giá trị 750.000.000 đồng (Theo hợp đồng cầm cố số 336/2009/HĐCC-NHPT PC ngày 18/09/2009).

- Hợp đồng tín dụng số 349/2009/HĐTD-XK ngày 05/10/2009 vay 7 tỷ đồng, thời hạn cho vay 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn thỏa thuận do Ngân hàng PT quy định tại từng thời điểm. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 074/HĐTG/2009 ngày 05/10/2009 tại Chi nhánh NHPT Bình Định giá trị 1.050.000.000 đồng (theo hợp đồng cầm cố số 348/2009/HĐCC-NHPT PC ngày 05/10/2009).

- Hợp đồng tín dụng số 46/2010/HĐTD-XK ngày 21/4/2010 vay 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay 10 tháng, lãi suất cho vay trong hạn thỏa thuận do Ngân hàng PT quy định tại từng thời điểm. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 040/HĐTG/2009 ngày 02/06/2009 tại Chi nhánh NHPT Bình Định giá trị

1.500.000.000 đồng (Theo hợp đồng cầm cố số 45/2010/HĐCC-NHPT PC ngày 21/04/2010).

- Hợp đồng tín dụng số 50/2010/HĐTD-XK ngày 27/4/2010 vay 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn thỏa thuận do Ngân hàng PT quy định tại từng thời điểm. Tài sản cầm cố là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 051/HĐTG/2009 ngày 30/06/2009; HĐTG số 062/HĐTG/2009 ngày 07/8/2009; HĐTG số 065/HĐTG/2009 ngày 21/8/2009 tại Chi nhánh NHPT Bình Định giá trị 1.500.000.000 đồng (Theo Hợp đồng cầm cố số 49/2010/HĐCC-NHPT PC ngày 27/04/2010). Ngân hàng PT Việt Nam chi nhánh Bình Định đã giải ngân xong tất cả các khoản vay trên.

Ngày 16/05/2011 Ngân hàng PT chi nhánh Bình Định và Doanh nghiệp tư nhân SH đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản (Hàng tồn kho) số 22/2011/HĐTCTS-NHPT.BĐI ngày 31/05/2011, tài sản thế chấp là số gỗ thành phẩm tại kho DNTN SH với giá trị: 17.535.671.369 đồng để đảm bảo cho các khoản nợ vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH đã trả cho ngân hàng được 11.015.716.000 đồng tiền gốc và 1.736.323.924 đồng tiền lãi, sau đó DNTN SH không trả vốn và lãi vay đúng hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký, ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhưng DNTN SH vẫn không thực hiện. Vì vậy, năm 2013 Ngân hàng đã tiến hành xử lý toàn bộ các hợp đồng cầm cố tiền gửi thu hồi được 8.851.396.249 đồng. Năm 2016 Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thu hồi được 283.049.430 đồng. Như vậy, tổng cộng ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH đã trả được 20.150.161.679 đồng tiền gốc và 1.736.323.924 đồng tiền lãi. Hiện nay ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH còn nợ Ngân hàng PT Việt Nam số tiền 57.607.907.391 đồng, trong đó: Nợ gốc 28.849.838.321 đồng và lãi 28.758.069.070 đồng. Nay Ngân hàng PT Việt Nam yêu cầu ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH phải trả một lần số tiền 57.607.907.391 đồng.

Luật sư Trần Lâm H trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Trinh L là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng PT Việt Nam, yêu cầu ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH phải trả cho ngân hàng một lần đủ 57.607.907.391 đồng.

** Tại bản khai ngày 27/2/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH trình bày:*

Ông thống nhất hoàn toàn như lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, nội dung các lần ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp tài sản. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng ông đã trả được 11.015.161.000 đồng tiền gốc và 1.736.323.924 đồng tiền lãi. Năm 2013 Ngân hàng đã tiến hành xử lý toàn bộ các hợp đồng cầm cố tiền gửi thu hồi được 8.851.396.249 đồng. Năm 2016 Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thu hồi được 283.049.430 đồng tiền gốc. Ông thừa nhận hiện nay DNTN SH còn nợ Ngân hàng PT Việt Nam số tiền 57.607.907.391 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc 28.849.838.321 đồng,

+ Nợ lãi 28.758.069.070 đồng.

Do doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ một lần đủ 57.607.907.391 đồng theo yêu cầu của Ngân hàng PT Việt Nam, ông hứa khi nào Doanh nghiệp làm ăn có thì ông sẽ trả đủ số tiền trên.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo triệu tập của Tòa.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự 2005 tuyên xử:*

- Buộc ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH phải trả cho Ngân hàng PT Việt Nam số tiền 57.607.907.391 đồng (Trong đó nợ gốc: 28.849.838.321 đồng, lãi: 28.758.069.070 đồng).

- Án phí: Ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn Minh S - Chủ DNTN SH là bị đơn trong vụ án đã được Tòa triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên

tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] - Về nội dung tranh chấp: Các bên đương sự đều thống nhất năm 2009 và năm 2010 ông Đoàn Minh S - Chủ DNTN SH có ký 06 Hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng PT Việt Nam chi nhánh Bình Định với tổng số tiền 49.000.000.000đồng, ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH đã trả cho ngân hàng được 11.015.716.000 đồng tiền gốc và 1.736.323.924đồng tiền lãi. Do DNTN SH không trả vốn và lãi vay đúng hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nên năm 2013 Ngân hàng đã tiến hành xử lý toàn bộ các hợp đồng cầm cố tiền gửi thu hồi được 8.851.396.249đồng. Năm 2016 Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thu hồi được 283.049.430đồng. Như vậy, tổng cộng ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH đã trả được 20.150.161.679 đồng tiền gốc và 1.736.323.924 đồng tiền lãi. Việc ngân hàng xử lý các tài sản cầm cố, tài sản thế chấp ông Đoàn Minh S đều thống nhất không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất hiện nay ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH còn nợ của Ngân hàng PT Việt Nam 57.607.907.391đồng (Trong đó nợ gốc: 28.849.838.321đồng, lãi: 28.758.069.070đồng). Tuy nhiên ông S nại rằng do doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ ngay một lần 57.607.907.391đồng, ông hứa khi nào Doanh nghiệp làm ăn có thì ông sẽ trả đủ số tiền trên cho Ngân hàng PT Việt Nam .

Tòa xét : Sau khi vay và đến hạn trả ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng PT Việt Nam buộc ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH phải trả cho ngân hàng 57.607.907.391đồng là phù hợp. Việc ông Đoàn Minh S xin khi nào Doanh nghiệp làm ăn có tiền thì sẽ thanh toán đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng nhưng không được Ngân hàng PT Việt Nam đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đầy đủ cơ sở buộc ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng

PT Việt Nam 57.607.907.391đồng (Trong đó nợ gốc: 28.849.838.321đồng, lãi: 28.758.069.070đồng).

[3] - Về án phí KDTM sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH phải chịu 165.607.907đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[4] - Tại phiên tòa hôm nay luật sư Trần Lâm H - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ngân hàng PT Việt Nam đề nghị HĐXX xem xét buộc ông Đoàn Minh S – chủ DNTN SH phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng PT Việt Nam 57.607.907.391đồng. Đề nghị của luật sư phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

[5] - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474 ,476, 478 của Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng PT Việt Nam.
2. Buộc ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng PT Việt Nam 57.607.907.391đồng (trong đó: nợ gốc 28.849.838.321đồng, nợ lãi 28.758.069.070đồng).

Kể từ ngày 08/7/2020 bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong.

3.Về án phí KDTM sơ thẩm: Ông Đoàn Minh S – Chủ DNTN SH phải nộp 165.607.907đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng PT Việt Nam 82.303.900đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007543 ngày 18.02.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đoàn Minh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Quy Nhơn;
- THA TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thảo Linh Phương

